ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN KHU VỰC NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

số: AGIA_TVHN_20220415_1100
Ngày: 15/4/2022

BẢN TIN DỰ BÁO THUỶ VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến xu thế mực nước:

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông: Mực nước cao nhất ngày tại các trạm lên theo triều trong 3-4 ngày tới, sau đó xuống chậm; mực nước thấp nhất ngày tại các trạm tiếp tục lên trong 2-3 ngày tới, sau đó xuống theo triều.
- Nội đồng TGLX: Mực nước trên các kênh, rạch trong khu vực lên chậm trong 3-4 ngày tới, sau đó xuống chậm.

2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 15/4 đến 19/4/2022

STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Cấp báo động (m)			Đặc trưng	Mực nước thực đo (m)			Mực nước dự báo (m)				
			BĐ I	BĐ II	BĐ III		14/4	So với cùng kỳ 2021	So với TBNN	15/4	16/4	17/4	18/4	19/4
1	Tân Châu	Tiền	3.50	4.00	4.50	Max	1.18	-0.07	0.28	1.23	1.30	1.33	1.35	1.33
						Min	-0.33	-0.26	-0.24	-0.23	-0.11	-0.05	-0.12	-0.17
2	Chợ Mới	Ông Chưởng	2.00	2.50	3.00	Max	1.18	-0.10	0.28	1.23	1.30	1.33	1.35	1.33
						Min	-0.49	-0.33	-0.12	-0.39	-0.27	-0.21	-0.28	-0.33
3	Khánh An	Hậu	4.20	4.70	5.20	Max	0.96	-0.06	0.06	0.99	1.03	1.05	1.06	1.04
						Min	0.02	-0.28	-0.19	0.07	0.13	0.16	0.09	0.04
4	Châu Đốc	Hậu	3.00	3.50	4.00	Max	1.33	-0.02	0.39	1.38	1.45	1.48	1.50	1.48
						Min	-0.33	-0.29	-0.17	-0.23	-0.11	-0.05	-0.12	-0.17
5	Long Xuyên	Hậu	1.90	2.20	2.50	Max	1.33	-0.10	0.31	1.38	1.45	1.48	1.50	1.48
						Min	-0.47	-0.31	-0.01	-0.37	-0.25	-0.19	-0.26	-0.31
6	Vàm Nao	Vàm Nao	2.50	2.90	3.30	Max	1.29	-0.04	0.35	1.34	1.41	1.44	1.46	1.44
						Min	-0.40	-0.31	-0.12	-0.30	-0.18	-0.12	-0.19	-0.24
7	Xuân Tô	Vĩnh Tế	3.00	3.50	4.00	Max	0.28	-0.07	0.04	0.28	0.35	0.40	0.42	0.39
						Min	0.07	-0.09	0.07	0.07	0.14	0.19	0.17	0.14
8	Vĩnh Gia	Vĩnh Tế	2.00	2.40	2.80	Max	0.15	-0.07	-0.08	0.12	0.19	0.24	0.26	0.23
						Min	0.09	-0.10	-0.09	0.06	0.13	0.18	0.16	0.13
9	Tri Tôn	Tri Tôn	2.00	2.40	2.80	Max	0.25	-0.07	-0.03	0.24	0.31	0.36	0.38	0.35
						Min	0.00	-0.14	-0.05	-0.01	0.06	0.11	0.09	0.06
10	Cô Tô	Tri Tôn	1.40	1.80	2.20	Max	0.42	-0.05	0.18	0.39	0.46	0.51	0.53	0.50
						Min	0.27	-0.09	0.11	0.24	0.31	0.36	0.34	0.31
11	Lò Gạch	Tám Ngàn	1.70	2.10	2.50	Max	0.13	-0.07	-0.02	0.10	0.17	0.22	0.24	0.21
						Min	0.02	-0.12	-0.07	-0.01	0.06	0.11	0.09	0.06
12	Vọng Thê	Ba Thê	1.40	1.80	2.20	Max	0.52	-0.04	0.10	0.50	0.57	0.62	0.64	0.61
						Min	0.35	-0.09	0.11	0.33	0.40	0.45	0.43	0.40
13	Vĩnh Hanh	Núi Chóc Năng Gù	1.90	2.30	2.70	Max	0.78	-0.04	0.22	0.81	0.87	0.90	0.92	0.89
						Min	0.30	-0.14	0.04	0.33	0.39	0.42	0.39	0.36
14	Núi Sập	Rạch Giá Long Xuyên	1.40	1.80	2.20	Max	0.53	-0.02	0.04	0.56	0.62	0.65	0.67	0.64
						Min	0.27	-0.10	-0.01	0.30	0.36	0.39	0.37	0.34

3. Cảnh báo (nếu có):

4. Ghi chú:

- *Thông tin dự báo được đăng trên website:* http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van

Tin phát lúc 11h00 ngày 15/4/2022

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt
Huỳnh Nguyễn Khánh Loan